

ĐẶC ĐIỂM ĐỐI TƯỢNG NGHIỆN CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN VÀ ĐIỀU TRỊ THAY THỂ BẰNG METHADONE TẠI HUYỆN LONG THÀNH NĂM 2015-2016

Nguyễn Thị Văn Văn*, Hồ Thị Như Ý*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Từ tháng 9/2015, tại Trung tâm Y tế huyện Long Thành đã thực hiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện thay thế bằng Methadone. Qua 10 tháng triển khai đã thu được những kết quả ban đầu, trên cơ sở đó nhóm tác giả đã tiến hành nghiên cứu đặc điểm đối tượng nghiện ma túy đến điều trị.

Mục tiêu nghiên cứu: Đánh giá đặc điểm đối tượng nghiện các dạng thuốc phiện và điều trị thay thế bằng Methadone

Đối tượng nghiên cứu: Người nghiện ma túy điều trị Methadone tại Trung tâm Y tế huyện Long Thành.

Phương pháp nghiên cứu: cắt ngang mô tả.

Kết quả nghiên cứu: Nghiên cứu khảo sát 225 người nghiện chích ma túy, sử dụng bơm kim tiêm chung chiếm 26,22%. Tỷ lệ nhiễm HIV trên người nghiện là 11,7%. Có 60,4% người nghiện đã từng nghe nói về HIV. Kết quả điều trị ban đầu đã có 225 trường hợp thu dụng, tỷ lệ bỏ trị 5,8%.

Từ khóa: Methadone, thuốc, HIV

THE CHARACTERISTICS OF DRUG ADDICTS AND EVALUATE THE INITIAL RESULTS OF METHADONE SUBSTITUTION TREATMENT IN LONG THANH DISTRICT IN 2015 – 2016

Nguyen Thi Van Van*, Ho Thi Nhu Y*

ABSTRACT

Background: From September 2015 Long Thanh Health Center has made treatment of addiction to opiate substitute Methadone. We have obtained the initial results through 10 months of implementation. The authors have studied the characteristics of drug addicts treated here.

The goal study: Study was to evaluate the effectiveness and serve for the management of treatment.

Aims: Drug addicts treated substitute Methadone in Long Thanh Health Center.

Methods: Descriptive cross-sectional study.

Results: The proportion sharing needles is 26.2%. The proportion of HIV infection is 11.7% on addicts. 60.4% of addicts heard about HIV. The results of initial treatment had 225 cases, the rate of treatment dropout addicts is 5.8%.

Keywords: Methadone, drug, HIV.

ĐẶT VẤN ĐỀ

HIV hiện nay là một vấn đề xã hội mang tính cấp bách trước nguy cơ lây nhiễm hiện nay. Tại huyện Long Thành, đến nay đã có 15/15 xã, thị trấn có người nhiễm HIV/AIDS với 490 trường hợp, 108 chuyển sang giai đoạn AIDS và 86 người đã tử vong. Trong đó trên 80% trường hợp nhiễm HIV phát hiện ở nhóm nguy cơ cao tiêm chích ma túy.

Theo Nghị định 96/2012/NĐ-CP Quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế thì các huyện có từ 250 người nghiện chất dạng thuốc phiện trở lên phải triển khai điều trị

* Trung Tâm Y Tế huyện Long Thành

Tác giả liên lạc: Nguyễn Thị Văn Văn ĐT: 0908411308 Email:bsnguyenthivanvan@yahoo.com.vn

nghiện chất dạng thuốc phiện. Từ tháng 9/2015, huyện Long Thành đã triển khai điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện thay thế bằng Methadone.

Nắm được đặc điểm của người nghiện ma túy dạng thuốc phiện tại huyện Long Thành sẽ giúp cho công tác phòng, chống có hiệu quả hơn. Do đó, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: “Đặc điểm nghiện chất dạng thuốc phiện và đánh giá kết quả ban đầu điều trị thay thế bằng Methadone tại huyện Long Thành năm 2015-2016” nhằm mục tiêu:

- Nghiên cứu đặc điểm người nghiện ma túy dạng thuốc phiện điều trị tại Long Thành.
- Tìm hiểu mối liên quan về lây nhiễm HIV/AIDS ở đối tượng TCMT tại huyện Long Thành.
- Đánh giá kết quả ban đầu của việc điều trị thay thế bằng Methadone.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU: Toàn bộ người nghiện ma túy đến điều trị thay thế bằng Methadone tại Trung tâm Y tế huyện Long Thành.

2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu: cắt ngang mô tả.

Cỡ mẫu: toàn bộ số người nghiện ma túy điều trị tại Trung tâm Y tế huyện Long Thành trong thời gian nghiên cứu, ghi nhận có 225 trường hợp.

2.2.1 Kỹ thuật sử dụng: Sử dụng bảng câu hỏi phỏng vấn trực tiếp do cán bộ y tế thực hiện.

2.2.2 Tiêu chí chọn mẫu

Tiêu chí đưa vào: Xác định trường hợp nghiện các chất dạng thuốc phiện

Xét nghiệm nước tiểu dương tính Heroin và có từ 3/6 triệu chứng lâm sàng theo ICD 10 như sau

- Thèm muốn mãnh liệt chất ma túy
- Mất khả năng kiểm soát việc dùng chất ma túy
- Ngừng hoặc giảm liều chất ma túy sẽ xuất hiện hội chứng cai.
- Liều sử dụng ngày càng tăng.
- Luôn tìm kỳ được chất ma túy, xao nhãng nhiệm vụ và sở thích
- Biết tác hại nặng nề mà vẫn tiếp tục sử dụng chất ma túy.

2.2.3. Trình bày kết quả: Số liệu được nhập và xử lý bằng phương pháp thống kê y học theo phần mềm **Stata** 12.0 và phân tích các biến số thu thập được bằng phép kiểm chi bình phương. Một mối liên quan chỉ có ý nghĩa thống kê khi $f^2 > 3,841$ (với mức ý nghĩa $p < 0,05$) và khi $f^2 > 6,635$ (ứng với mức ý nghĩa $p < 0,01$).

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Đặc điểm người nghiện các chất dạng thuốc phiện

Trong thời gian nghiên cứu từ tháng 9/2015 đến 7/2016 đã ghi nhận 225 trường hợp đến điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại huyện Long Thành với kết quả sau đây:

3.1.1. Đặc điểm về người

Đặc điểm	n (%)
Tuổi	
18-25 tuổi	51 (30,3)
26-34 tuổi	137 (51,5)

35-42 tuổi	35 (13,7)
Trên 42 tuổi	02 (0,5)
Giới	
Nam	219 (97,3)
Nữ	06 (3,7)
Trình độ học vấn	
Không biết chữ	06 (2,7)
Tiểu học	30 (13,3)
THCS	118 (52,4)
PTTH	66 (29,4)
CĐ-ĐH	05 (2,2)
Tình trạng hôn nhân	
Độc thân	114 (50,7)
Có vợ, chồng	92 (40,9)
Đã ly dị	19 (8,4)
Hiện sống cùng	
Cha mẹ	116 (51,6)
Vợ, chồng, con	44 (19,5)
Ở trọ	02 (0,9)
Với bạn bè	63 (28,0)

Nhóm tuổi từ 26-34 tuổi là nhiều nhất chiếm 51,5%. Nam chiếm tỷ lệ rất cao 97,3%. Các

trường hợp nghiện có trình độ học vấn THCS chiếm 52,4%. Các trường hợp nghiện độc thân chiếm 50,7%. Sống cùng cha mẹ chiếm đa số 51,6%

3.1.2. Đặc điểm về nghề nghiệp

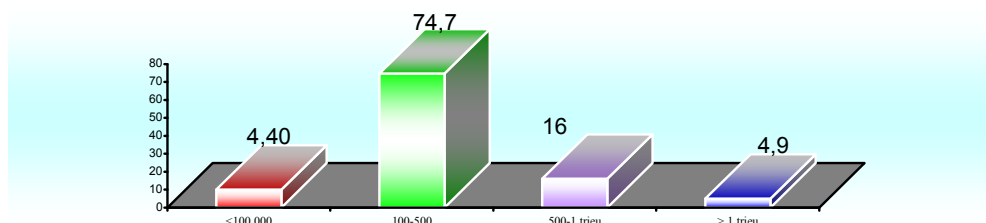
Nghề nghiệp	Trước khi nghiện (%)	Hiện nay (%)
Nông dân	4 (01,8)	03 (1,3)
Công nhân	55 (24,4)	28 (12,4)
Buôn bán	16 (7,1)	22 (9,8)
CBVC	02 (0,9)	0 (0,0)
Khác	104 (46,2)	82 (36,5)
Không nghề	44 (19,6)	90 (40,0)

Người nghiện trước khi sử dụng ma túy đa số là nghề nghiệp không ổn định chiếm đa số 46,2%, thất nghiệp 19,6%. Hiện nay tỷ lệ thất nghiệp 40% nghề nghiệp không ổn định chiếm 36,5%.

3.1.3. Đặc điểm về sử dụng ma túy

Tần suất sử dụng ma túy hàng ngày	Tần số (%)
1 lần	26 (11,6)
2 – 3 lần	124 (55,1)
4 – 5 lần	50 (22,2)
Trên 5 lần	25 (11,1)
Tổng	225 (100)

Đa số sử dụng 2-3 lần trong ngày chiếm 55,1%.



Chi phí sử dụng ma túy hàng ngày

Có 74,7% người nghiện chi phí hàng ngày cho việc sử dụng ma túy phổ biến từ 100.000 đ - 500.000đ.

Thu nhập hiện tại	Tần số (%)
Không có	86 (38,2)
Dưới 01 triệu	04 (1,8)
Từ 01 – 03 triệu	15 (6,7)
Từ 03 – 05 triệu	63 (28,0)
Trên 05 triệu	57 (25,3)
Tổng	225 (100)

Khảo sát tại thời điểm thu nhập điều trị, người nghiện không có thu nhập chiếm tỉ lệ cao nhất 38,2%.

3.1.4. Đặc điểm về cai nghiện

Đặc điểm cai nghiện	Tần số (%)
Đã cai nghiện	181 (80,4)
Trong đó: 01 lần	80 (44,2)
02 lần	49 (27,1)

03 lần trở lên	52 (28,7)
----------------	-----------

Có 181 người (80,4%) người đã từng cai nghiện. Có 44,2% là cai nghiện 01 lần, 28,7% người cai nghiện từ 3 lần trở lên.

3.2. Đặc điểm liên quan HIV/AIDS

Đặc điểm	Tần số (%)
Thời gian sử dụng ma túy	
Dưới 01 năm	04 (1,8)
Từ 01 – 3 năm	33 (14,7)
Từ 03 – 5 năm	39 (17,3)
Trên 5 – 10 năm	80 (35,6)
Trên 10 năm	69 (30,7)
Dùng chung bơm kim tiêm	59 (26,2)
Có nghe tuyên truyền về HIV	136 (60,4)

Thời gian sử dụng trên 5 đến 10 năm chiếm đa số 35,6%. Có 26,2% người nghiện dùng chung bơm kim tiêm khi tiêm chích ma túy. Số trường hợp từng được nghe tuyên truyền HIV chiếm 60,4%

Kết quả xét nghiệm phát hiện HIV	Tần số (%)
Có xét nghiệm	162 (72,0)
Dương tính	19 (11,7)
Âm tính	143 (88,3)
Tổng	162 (100)

Tỷ lệ có xét nghiệm phát hiện HIV là 72%. Trong đó, số người nghiện có kết quả xét nghiệm dương tính chiếm tỷ lệ 11,7%.

Mối liên quan	Tình trạng nhiễm HIV		Tổng	Chi ²	P
	Dương tính	Âm tính			
Giới					
Nam	17 (10,8%)	140 (89,2%)	157	Chi ² = 3,98;	p= 0,041
Nữ	02 (40,0%)	03 (60,0%)	05		
Trình độ học vấn					
Mù chữ	01(16,7%)	05 (83,3%)	06	Chi ² = 5.1401	p= 0.273
Tiểu học	03 (15,8%)	16 (84,2%)	19		
THCS	09 (11,3%)	71 (88,7%)	80		
THPT	04 (7,7%)	48 (92,3%)	52		
Cao đẳng, đại học	02 (40,0%)	03 (60,0%)	05		
Thời gian sử dụng ma túy					
< 1 năm	01 (50%)	01 (50%)	02	Chi ² = 9.9736	p= 0.041
1 – 3 năm	01 (5,5%)	17 (94,5%)	18		
3 – 5 năm	00 (0%)	28 (100%)	28		
5 – 10 năm	06 (10,9%)	49 (89,1%)	55		

> 10 năm	11 (18,6%)	48 (71,4%)	59		
----------	------------	------------	----	--	--

Có liên quan giữa tình trạng nhiễm HIV và giới với $\text{Chi}^2 = 3,98$; $p = 0,0415$. Có liên quan giữa thời gian sử dụng ma túy và tình trạng nhiễm HIV với $\text{Chi}^2 = 9,9736$, $p = 0,041$.

3.3. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ METHADONE

Tình hình tuân thủ điều trị	Tần số (%)
Số BN điều trị duy trì	214 (94,23)
Số BN Bỏ trị	11 (05,77)
Lý do bỏ trị	
Vi phạm nội quy ngưng điều trị	01 (9,09)
Xin ra khỏi chương trình	01 (9,09)
Sử dụng ma túy đá	04 (36,66)
Không lý do	05 (45,45)

Tỷ lệ duy trì đạt 94,23%, bỏ trị do sử dụng ma túy đá chiếm 36,66%.

BÀN LUẬN

Qua 225 trường hợp đến điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại huyện Long Thành từ tháng 9/2015 đến 7/2016 cho thấy đa số người nghiện chích ma túy là người trẻ, đang độ tuổi lao động từ 26-34 tuổi chiếm 51,52%. Kết quả nghiên cứu tại Đà Nẵng năm 2010-2012 cho thấy 25-29 tuổi chiếm 53,2%⁽⁶⁾. Tại Thành phố HCM cho thấy nhóm tuổi cao nhất là 25-29 tuổi (45,8%)⁽¹⁾, Hải Phòng nhóm tuổi trên 30 chiếm cao nhất 67,7%⁽⁵⁾. Tuổi trung bình của đối tượng nghiện ma túy là 35,3 tương tự nghiên cứu năm 2012 của Phạm Thị Đào ở Đà Nẵng là 33,4⁽⁶⁾. Hải Phòng là 31,5 tuổi⁽¹⁾.

Hầu hết nghiện chích ma túy là nam chiếm tỷ lệ 97,33%. Tại Hải Phòng 97,9%⁽⁵⁾ và cao hơn Thành phố HCM là 82%⁽¹⁾, Đà Nẵng 94,5%⁽⁶⁾. Tuy nhiên tỷ lệ trên nữ giới cũng đã có trường hợp tiêm chích ma túy cần lưu ý. Phần lớn người nghiện có học vấn thấp THCS chiếm 52,44%. Tại Đà Nẵng nhóm PTTH 53,29%⁽⁶⁾, THCS Hải Phòng 46,6%, Thành phố HCM 41,4%⁽¹⁾. Các trường hợp nghiện độc thân chiếm 50,67%. Sống cùng cha mẹ chiếm đa số 51,55%. Người nghiện trước khi sử dụng ma túy đa số là nghề nghiệp không ổn định chiếm 46,22%, thất nghiệp 19,56% so với Đà Nẵng là 60,8%⁽⁶⁾. Khi đã nghiện tỷ lệ thất nghiệp và nghề nghiệp không ổn định chiếm đến 76,44%. Điều này đưa đến kiến nghị sau nghiên cứu là cần tạo điều kiện về việc làm cho bệnh nhân.

Trung bình người nghiện tiêm chích ma túy 2-3 lần trong ngày chiếm 55,1%. Chi phí hàng ngày phổ biến từ 100.000 đ - 500.000 đ. Trong khi đa số người nghiện không có thu nhập, vì vậy rất dễ sinh ra tệ nạn xã hội để có tiền tiêm chích ma túy. Trong vấn đề cai nghiện, hiện nay các biện pháp cắt cơn nghiện chưa mang lại hiệu quả chấm dứt tình trạng sử dụng ma túy. Thể hiện qua nghiên cứu cho thấy có đến 80,44% người đã từng cai nghiện trong đó 44,2% là cai nghiện 01 lần, còn lại là cai nghiện nhiều lần thậm chí có trường hợp đã 5 lần cai nghiện.

Qua nghiên cứu, tỷ lệ dùng chung bơm kim tiêm cao chiếm đến 26,2% so với nghiên cứu của cùng tác giả tại địa bàn Long Thành năm 2013 là 13,6%⁽⁷⁾. Nguyên nhân có thể do 2 năm gần đây chương trình trao đổi bơm kim tiêm bị các dự án giảm đầu tư, mạng lưới cộng tác viên hoạt động hạn chế dẫn đến cơ hội nhận bơm kim tiêm sạch giảm đi.

Tỷ lệ chưa xét nghiệm phát hiện HIV chiếm 28%. Tỷ lệ HIV dương tính chiếm 11,7% thấp hơn nhiều so với nghiên cứu tại Hải Phòng là 27,3%, Thành phố HCM 42,1%⁽¹⁾, nhưng cao hơn so với Đà Nẵng 9%⁽⁶⁾. Số được nghe tuyên truyền HIV chiếm 60,4%, điều này cho thấy công tác tuyên truyền HIV, phòng chống ma túy đến đối tượng nguy cơ cao còn hạn chế cần có giải pháp tích cực hơn.

Có liên quan giữa tình trạng nhiễm HIV và giới tính, nam tiêm chích ma túy nhiễm HIV nhiều hơn giới nữ ($p < 0,05$). Không có liên quan giữa tình trạng nhiễm HIV và trình độ học vấn. Có liên quan

giữa thời gian sử dụng ma túy và tình trạng nhiễm HIV ($p < 0,05$) thời gian sử dụng ma túy càng lâu càng có tỷ lệ nhiễm HIV cao.

Tỷ lệ uống duy trì đạt 94,2%, cao hơn kết quả thực hiện tại Hà Nội là 90%. Bỏ trị do sử dụng ma túy đã chiếm 36,7% đây là khó khăn lớn hiện nay, do nghiện ma túy tổng hợp thì Methadone không có tác dụng.

KẾT LUẬN

- Đặc điểm về người: Nhóm tuổi nghiện nhiều nhất là từ 26-34 tuổi chiếm 51,5%. Nam giới là chủ yếu 97,3%. Trình độ học vấn THCS chiếm 52,4%. Người nghiện không có nghề nghiệp chiếm nhiều nhất là 40%.
- Về đặc điểm nghiện: 80,4% bệnh nhân đã từng cai nghiện, trong đó số đã cai nghiện 3 lần trở lên chiếm 28,7%.
- Liên quan đến HIV: Tỷ lệ sử dụng bơm kim tiêm chung chiếm 26,2%. tỷ lệ dương tính trên người nghiện là 11,7%.
- Về kết quả điều trị ban đầu: Hiệu quả điều trị ban đầu qua 225 trường hợp thu dung điều trị, trong đó có 214 trường hợp duy trì liều, tỷ lệ bỏ trị 5,8%.

KIẾN NGHỊ

- Cần tổ chức tuyên truyền, truyền thông giáo dục sức khỏe về HIV/AIDS cho đối tượng tiêm chích ma túy. Ý nghĩa của điều trị thay thế bằng Methadone để người nghiện tự nguyện tham gia.
- Cần liên hệ các ngành, đoàn thể giúp đỡ người nghiện đang điều trị duy trì Methadone hòa nhập cộng đồng, giới thiệu việc làm để người nghiện tuân thủ điều trị tốt.
- Tăng cường công tác tư vấn xét nghiệm HIV cho đối tượng nghiện ma túy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2010), “Đánh giá hiệu quả triển khai thí điểm chương trình điều trị nghiện thuốc phiện bằng Methadone tại Hải Phòng và Thành phố Hồ Chí Minh”, trang 5-7.
2. Bộ Y tế (2011), “Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại Việt Nam: Hiệu quả và những bài học thực tiễn”, trang 15-16.
3. Bộ Y tế (2011), “Báo cáo tổng kết công tác điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone”, trang 10-11
4. Bộ Y tế (2013), Thông tư số 12/2013/TT-BYT ngày 12 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn chi tiết thi hành một số Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
5. Bùi Thị Bích Thủy (2011), “Mô hình điều trị thay thế các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại Hải Phòng”, Tạp chí Y học thực hành, số 781/2011, trang 158-160
6. Phạm Thị Đào (2012), “Khảo sát tình hình bệnh nhân điều trị thay thế các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại Thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2010 - 2012”, Tạp chí Truyền nhiễm Việt Nam, số 01/2013, trang 48-49.
7. Nguyễn Thị Văn Vãn (2006), “Khảo sát kiến thức và tình hình nhiễm HIV tại huyện Long Thành-Đông Nai 2004-2005”, Hội nghị Khoa học kỹ thuật tỉnh Đồng Nai lần thứ 3, trang 260-261.